

Số: /BC-SNV

Sóc Trăng, ngày tháng 5 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng năm 2021 và những năm tiếp theo;

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021, kết quả cụ thể như sau:

#### **I. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ CCHC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

##### **1. Đối tượng tham gia xác định Chỉ số CCHC năm 2021**

- Các sở ban ngành: 19 cơ quan.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh: 04 đơn vị.
- Cơ quan Trung ương đặt tỉnh: 06 đơn vị.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 11 đơn vị.

Tổng số có 40/40 cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia xác định Chỉ số CCHC năm 2021.

##### **Cụ thể như sau:**

STT	Đơn vị	STT	Đơn vị
<b>I</b>	<b>Sở ngành</b>	<b>III</b>	<b>Cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh</b>
1	Ban Dân tộc	24	Bảo hiểm xã hội
2	Ban Quản lý các khu công nghiệp	25	Công an tỉnh
3	Sở Công Thương	26	Cục Thuế

STT	Đơn vị	STT	Đơn vị
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	27	Chi cục Hải quan
5	Sở Giao thông vận tải	28	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29	Kho bạc Nhà nước
7	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>B</b>	<b>UBND cấp huyện</b>
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30	Huyện Châu Thành
9	Sở Nội vụ	31	Huyện Cù Lao Dung
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32	Huyện Kế Sách
11	Sở Tài chính	33	Huyện Long Phú
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	34	Huyện Mỹ Tú
13	Sở Thông tin và Truyền thông	35	Huyện Mỹ Xuyên
14	Sở Tư pháp	36	Huyện Thạnh Trị
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	Huyện Trần Đề
16	Sở Xây dựng	38	Thành phố Sóc Trăng
17	Sở Y tế	39	Thị xã Ngã Năm
18	Thanh tra tỉnh	40	Thị xã Vĩnh Châu
19	Văn phòng UBND tỉnh		
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh</b>		
20	Ban Quản lý Dự án 1		
21	Ban Quản lý Dự án 2		
22	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng		
23	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng		

## 2. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ số CCHC được xác định dựa trên hai phương pháp chính sau đây:
  - + Tự đánh giá, chấm điểm (thông qua phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC).
  - + Điều tra xã hội học (ĐTXHH).
- Chỉ số CCHC được tính toán như sau:

$$\frac{\{[\text{Điểm tự đánh giá (đã thẩm định)}] + [\text{Điểm ĐTXHH}]\}}{\text{Điểm chuẩn}} * 100\%$$

**Trong đó:**

- Điểm tự đánh giá là điểm tự chấm của các đơn vị qua phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC (đã được Tổ công tác thẩm định).

- Điểm ĐTXHH là kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND cấp huyện, cán bộ, công chức, viên chức và khảo sát người dân, tổ chức đã tham gia giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia chấm điểm Chỉ số CCHC (Chỉ số Sipas).

\* Kết quả Chỉ số CCHC được thể hiện từ 0% - 100%, theo đó 100% là đơn vị đạt kết quả CCHC tốt nhất, ngược lại 0% là kết quả CCHC kém nhất.

Chỉ số thành phần: Là chỉ số được xác định bằng tỷ lệ % điểm số đạt được trong từng lĩnh vực thông qua các tiêu chí, tiêu chí thành phần so với điểm số tối đa của từng lĩnh vực tương ứng. Cụ thể:

$$\frac{\text{Tổng điểm chỉ số thành phần đạt được}}{\text{Tổng điểm chỉ số thành phần tối đa theo quy định}} \times 100\%$$

Theo quy ước, đối với những đơn vị không được giao thực hiện nội dung công việc (theo chức năng, nhiệm vụ quy định) nêu tại các lĩnh vực, tiêu chí, TCTP của Bộ Chỉ số CCHC, thì sẽ được thực hiện theo phương pháp **hạ điểm chuẩn** các lĩnh vực, tiêu chí, TCTP không thuộc phạm vi thực hiện.

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm và thẩm định**

Thực hiện Quyết định số 3119/QĐ-UBND, Sở Nội vụ có văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tập huấn chấm điểm trên phần mềm đánh giá Chỉ số CCHC cho công chức phụ trách CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và TLKC kèm theo của các cơ quan, đơn vị (cho phép điều chỉnh, bổ sung 01 lần); Sở Nội vụ phối hợp với 06 sở chuyên ngành (bao gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ) để thẩm định kết quả tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Công tác thẩm định đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng giữa đơn vị.

### **2. Tổ chức ĐTXHH**

Trên cơ sở Phương án ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2021 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 và Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 17/02/2022, Sở Nội vụ đã tiến hành triển khai thực hiện khảo sát dựa trên 02 phương pháp như sau:

### **a) ĐTXHH trực tuyến**

Phiếu khảo sát được gửi và trả lời trực tiếp thông qua thư điện tử cá nhân (email) của các đối tượng được khảo sát.

- Đối tượng khảo sát: Đại biểu HĐND tỉnh; Lãnh đạo cấp phòng và công chức, viên chức sở, ngành tỉnh; Lãnh đạo cấp phòng và công chức phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Lãnh đạo UBND cấp xã.

- Cỡ mẫu: Tổng số phiếu đã gửi: 1.798 phiếu (bao gồm 06 mẫu phù hợp với từng đối tượng khảo sát).

- Kết quả thu phiếu trả lời: Tổng số phiếu thực tế thu về là 1.778 phiếu, đạt tỷ lệ 98,89%.

### **b) ĐTXHH trực tiếp thông qua đo lường Chỉ số Sipas**

Sở Nội vụ đã phối hợp với Bưu điện tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh tổ chức triển khai thực hiện cuộc ĐTXHH trong 20 ngày, bắt đầu từ 03/11/2021 đến ngày 22/11/2021.

- Tổng số cơ quan, đơn vị được đánh giá: 40 cơ quan, đơn vị; bao gồm: 19 sở ngành, 04 đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, 06 cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh và 11 UBND cấp huyện.

- Đối tượng khảo sát: người dân, người đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi khảo sát; tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh năm 2021 (đối với các đơn vị thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh); hoặc thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>), Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ <https://dichvucong.soctrang.gov.vn/>).

- Cỡ mẫu: Tổng số 2.005 phiếu.

- Phiếu điều tra xã hội học gồm 02 loại phiếu sau đây:

+ Phiếu số 01/2021-TT: Phiếu khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021 (khảo sát người dân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh).

+ Phiếu số 02/2021-DVCTT: Phiếu khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021 (khảo sát người dân, tổ chức đã sử dụng dịch vụ công trực tuyến).

Kết quả Chỉ số SIPAS được quy ra thang điểm để xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Cách tính điểm đã được nêu tại Bộ Chỉ số CCHC ban hành kèm theo Quyết định số 3119/QĐ-UBND.

**Chỉ số Sipas x Điểm tối đa của TCTP thuộc Bộ Chỉ số CCHC**

**100%**

Quá trình triển khai thực hiện ĐTXHH của Bưu điện tỉnh được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh đánh giá khá tốt (thực hiện điều tra đúng đối tượng, chi trả thù lao đúng quy định,...)

**\* Kết quả Chỉ số Sipas**

Giá trị trung bình Chỉ số Sipas năm 2021 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đạt được là 94,06%, tăng 1,67% so với năm 2020 (Sipas năm 2020 đạt tỷ lệ 92,39%) và tăng 5,79% so với năm 2019 (Sipas năm 2019 đạt tỷ lệ 88,15%). Tỷ lệ điểm Sipas là tiêu chí trong Chỉ số CCHC, chiếm 15% tổng điểm tối đa của Chỉ số CCHC.

Kết quả Chỉ số Sipas năm 2021 cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Chỉ số Sipas	Quy đổi điểm Chỉ số CCHC
<b>I</b>	<b>SỞ NGÀNH</b>		<b><math>\frac{SIPAS \times 15}{100\%}</math></b>
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	15,00
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	15,00
3	Sở Khoa học và Công nghệ	100	15,00
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	100	15,00
5	Sở Nội vụ	100	15,00
6	Sở Thông tin và Truyền thông	100	15,00
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100	15,00
8	Văn phòng UBND tỉnh	100	15,00
9	Sở Công Thương	99,71	14,96
10	Sở Xây dựng	99,40	14,91
11	Thanh tra tỉnh	99,00	14,85
12	Sở Y tế	98,91	14,84
13	Ban Dân tộc	97,92	14,69
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	97,45	14,62
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	96,86	14,53
16	Sở Tài chính	92,73	13,91
17	Sở Giao thông vận tải	91,00	13,65
18	Sở Tư pháp	90,57	13,59
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp	87,50	13,13
<b>II</b>	<b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH</b>		<b><math>\frac{SIPAS \times 15}{100\%}</math></b>
1	Ban Quản lý Dự án 1	100,00	15,00
2	Ban Quản lý Dự án 2	100,00	15,00

STT	Đơn vị	Chỉ số Sipas	Quy đổi điểm Chỉ số CCHC
3	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	99,29	14,89
4	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	86,67	13,00
<b>III</b>	<b>CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẠT TẠI TỈNH</b>		<b><math>\frac{SIPAS \times 16}{100\%}</math></b>
1	Bảo hiểm xã hội	100	16,00
2	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	100	16,00
3	Kho bạc Nhà nước	99,71	15,95
4	Công an tỉnh	98,00	15,68
5	Cục Thuế	95,57	15,29
6	Chi cục Hải quan	94,03	15,04
<b>IV</b>	<b>UBND CẤP HUYỆN</b>		<b><math>\frac{SIPAS \times 15}{100\%}</math></b>
1	UBND thị xã Ngã Năm	100,00	15,00
2	UBND huyện Trần Đề	99,18	14,88
3	UBND thị xã Vĩnh Châu	96,73	14,51
4	UBND huyện Mỹ Xuyên	95,32	14,30
5	UBND huyện Kế Sách	94,00	14,10
6	UBND huyện Mỹ Tú	92,73	13,91
7	UBND huyện Cù Lao Dung	90,82	13,62
8	UBND huyện Long Phú	90,61	13,59
9	UBND thành phố Sóc Trăng	89,59	13,44
10	UBND huyện Châu Thành	88,95	13,34
11	UBND huyện Thạnh Trị	74,18	11,13

### III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

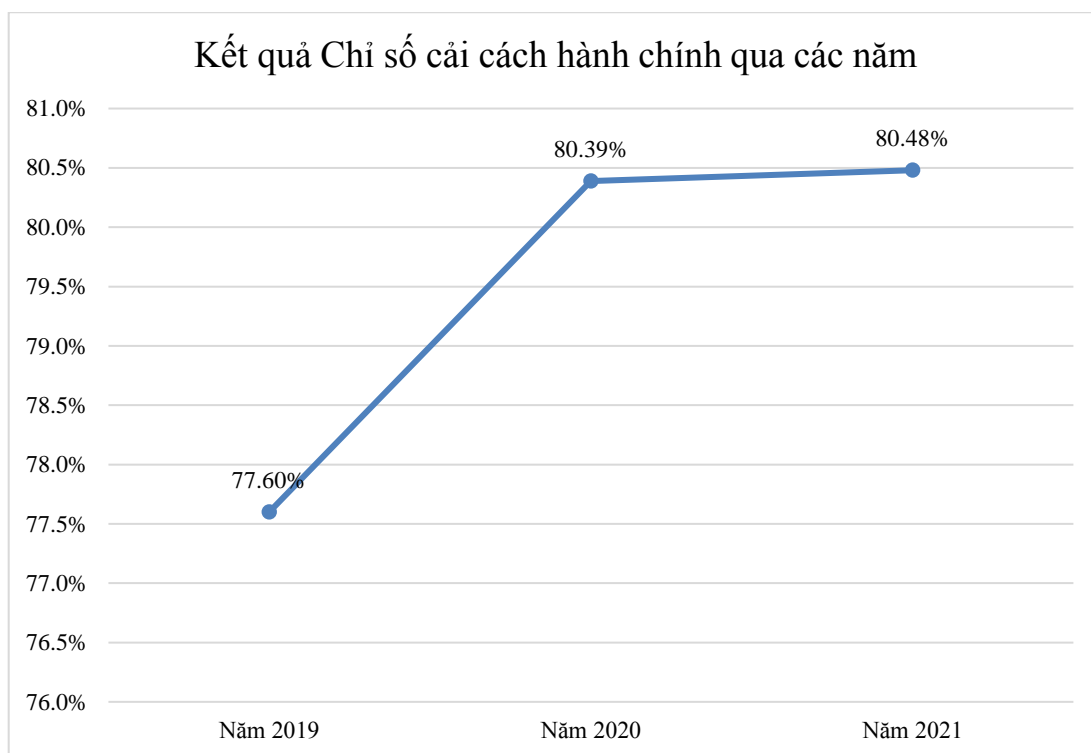
#### 1. Chỉ số CCHC năm 2021 các cơ quan, đơn vị, địa phương

Theo kết quả phê duyệt, công bố Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2021 tại Quyết định số 1256/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 10/5/2022; trong năm 2021, 100% (40/40) đơn vị tham gia Chỉ số CCHC đều có tỷ lệ Chỉ số từ 60% trở lên. Kết quả xếp loại cụ thể của các đơn vị được phân loại theo 04 nhóm như sau:

STT	Xếp loại Chỉ số CCHC năm 2021		Sở ngành	UBND cấp huyện	Đơn vị SNCL	Cơ quan ngành dọc	Tổng
1	Nhóm 1	Chỉ số CCHC trên 90%	-	-	-	1	<b>1</b>
2	Nhóm 2	Chỉ số CCHC từ 80% đến 90%	14	5	-	3	<b>22</b>

3	Nhóm 3	Chỉ số CCHC từ 65% đến dưới 80%	5	6	3	2	<b>16</b>
4	Nhóm 4	Chỉ số CCHC từ 50% đến dưới 65%	-	-	1	-	<b>1</b>
5	Nhóm 5	Chỉ số CCHC dưới 50%	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>19</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>40</b>

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của 40 đơn vị tham gia xác định Chỉ số CCHC năm 2021 đạt được là 80,48%, tăng 0,09% so với năm 2020 (80,39%) và tăng 2,88% so với năm 2019 (77,60%).



Kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 được xác định dựa trên điểm tự chấm của đơn vị (thông qua phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC, đã được Tổ công tác thẩm định) và điểm ĐTXHH (bao gồm khảo sát cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý và khảo sát người dân, doanh nghiệp), cụ thể như sau:

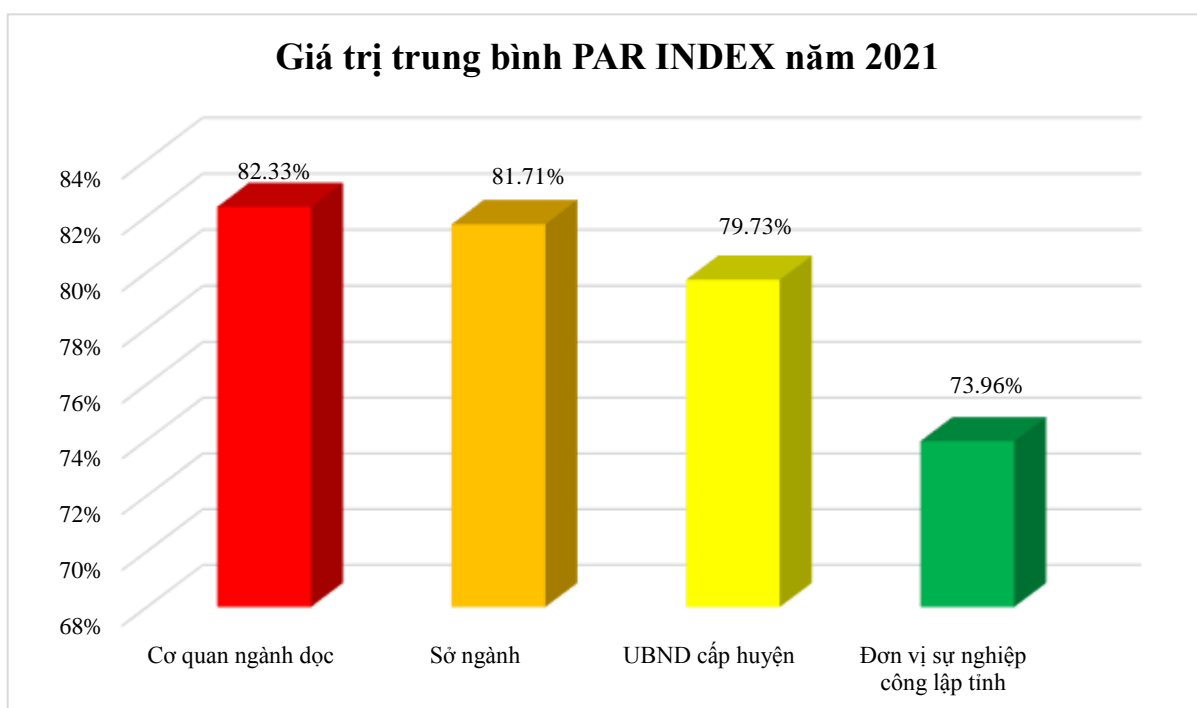
STT	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm ĐTXHH		Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC 2021
				Khảo sát CBCC VC	Chỉ số Sipas		
1	2	3	4	5	6	$7=(4)+(5)+(6)$	8
<b>I</b>	<b>SỞ NGÀNH</b>	<b>91,26</b>	<b>41,57</b>	<b>18,34</b>	<b>14,61</b>	<b>74,52</b>	<b>81,71%</b>
1	Sở Xây dựng	94,00	48,00	19,18	14,91	82,09	87,33%
2	Sở Nội vụ	93,50	47,68	18,92	15,00	81,60	87,27%
3	Ban Dân tộc	87,00	42,68	18,36	14,69	75,73	87,05%
4	Sở Tư pháp	92,00	47,35	18,43	13,59	79,37	86,27%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93,50	47,16	18,38	15,00	80,54	86,13%

STT	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm ĐTXHH		Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC 2021
				Khảo sát CBCC VC	Chỉ số Sipas		
6	Sở Giao thông vận tải	93,50	47,31	18,40	13,65	79,36	84,88%
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp	86,00	40,52	18,83	13,13	72,47	84,27%
8	Văn phòng UBND tỉnh	77,50	31,78	17,50	15,00	64,28	82,94%
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95,00	46,54	17,56	14,53	78,63	82,76%
10	Thanh tra tỉnh	84,00	35,45	18,67	14,85	68,97	82,10%
11	Sở Tài chính	89,00	40,47	18,56	13,91	72,94	81,95%
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	93,50	41,97	19,01	15,00	75,98	81,26%
13	Sở Công Thương	94,00	42,60	17,92	14,96	75,47	80,29%
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	94,00	41,50	18,93	15,00	75,43	80,25%
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	93,00	41,64	18,01	14,62	74,27	79,86%
16	Sở Thông tin và Truyền thông	93,00	40,57	17,79	15,00	73,36	78,89%
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	94,00	38,85	18,06	15,00	71,91	76,50%
18	Sở Khoa học và Công nghệ	93,00	37,74	17,61	15,00	70,35	75,64%
19	Sở Y tế	94,50	30,07	18,30	14,84	63,21	66,89%
<b>II</b>	<b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH</b>	<b>91,50</b>	<b>34,37</b>	<b>18,88</b>	<b>14,47</b>	<b>67,73</b>	<b>73,96%</b>
1	Ban Quản lý Dự án 1	91,50	38,76	18,38	15,00	72,14	78,84%
2	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	93,50	39,88	18,88	14,89	73,65	78,77%
3	Ban Quản lý Dự án 2	90,50	35,08	20,56	15,00	70,64	78,06%
4	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	90,50	23,76	17,71	13,00	54,47	60,18%
<b>III</b>	<b>CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẠT TẠI TỈNH</b>	<b>100,70</b>	<b>44,94</b>	<b>23,15</b>	<b>15,66</b>	<b>83,76</b>	<b>83,12%</b>
1	Công an tỉnh	101,00	55,76	19,88	15,68	91,32	90,42%
2	Bảo hiểm xã hội	105,50	49,15	23,02	16,00	88,17	83,58%
3	Kho bạc Nhà nước	107,00	46,42	25,17	15,95	87,54	81,81%
4	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	101,00	41,53	23,55	16,00	81,08	80,27%
5	Chi cục Hải quan	80,50	25,00	23,93	15,04	63,97	79,47%
6	Cục Thuế	109,00	46,81	23,36	15,29	85,46	78,41%



STT	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm ĐTXHH		Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC 2021
				Khảo sát CBCC VC	Chỉ số Sipas		
<b>IV</b>	<b>UBND CẤP HUYỆN</b>	<b>93,18</b>	<b>44,33</b>	<b>16,16</b>	<b>13,80</b>	<b>74,29</b>	<b>79,73%</b>
1	Thị xã Ngã Năm	93,25	49,62	16,57	15,00	81,19	87,07%
2	Thị xã Vĩnh Châu	93,25	47,45	15,43	14,51	77,39	82,99%
3	Huyện Châu Thành	93,00	46,42	16,94	13,34	76,70	82,48%
4	Huyện Cù Lao Dung	93,50	47,09	16,02	13,62	76,73	82,07%
5	Huyện Trần Đề	93,75	43,54	16,93	14,88	75,34	80,37%
6	Huyện Mỹ Xuyên	93,25	43,93	15,41	14,30	73,64	78,97%
7	Huyện Thạnh Trị	93,00	45,83	16,23	11,13	73,19	78,70%
8	Thành phố Sóc Trăng	93,25	43,51	16,12	13,44	73,06	78,35%
9	Huyện Kế Sách	93,25	40,23	16,49	14,10	70,82	75,94%
10	Huyện Long Phú	91,75	39,04	16,23	13,59	68,86	75,06%
11	Huyện Mỹ Tú	93,75	41,00	15,39	13,91	70,30	74,99%

Trong 04 nhóm tham gia đánh giá Chỉ số CCHC năm 2021 thì nhóm các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh có giá trung bình cao nhất trong năm, với tỷ lệ 82,33% (Mức xếp loại nhóm 2). Nhóm đơn vị sự nghiệp tỉnh có giá trị trung bình thấp nhất so với 3 nhóm còn lại, 73,96% (Mức xếp loại nhóm 3).

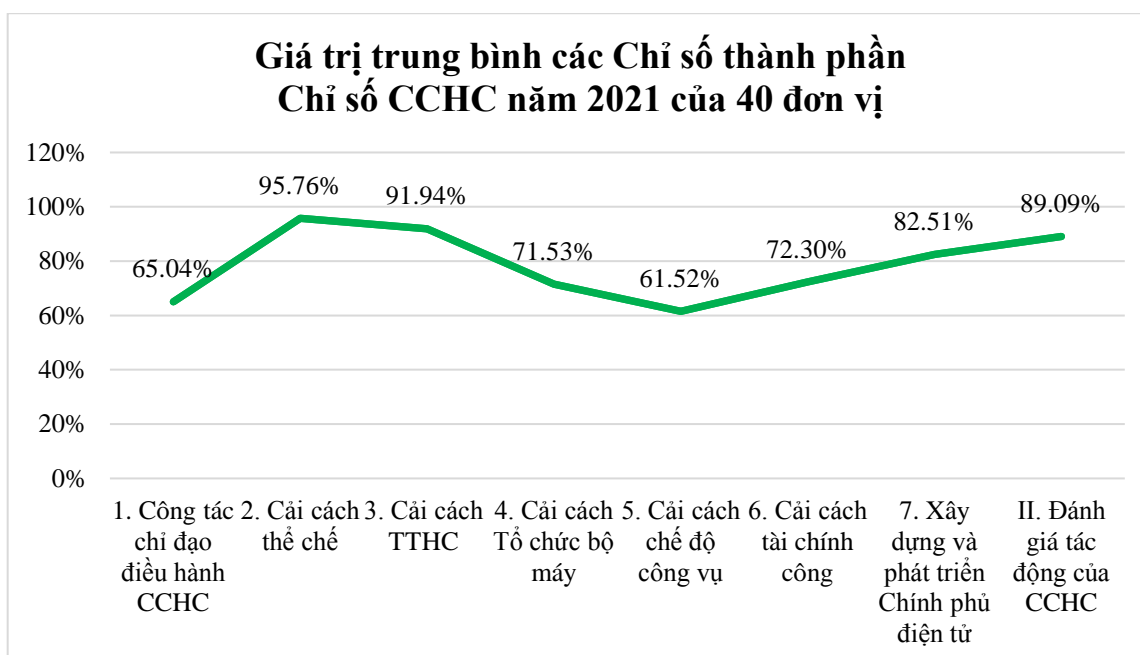


## 2. Kết quả đạt được theo từng lĩnh vực của Chỉ số CCHC

STT	Đơn vị	I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC							II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC
		1. Công tác CDDH CCHC	2. Cải cách thể chế	3. Cải cách TTHC	4. Cải cách TCBM	5. Cải cách chế độ công vụ	6. Cải cách tài chính công	7. XD và PT CP điện tử	
<b>I</b>	<b>SỞ NGÀNH</b>								
1	Sở Xây dựng	10,65	5,00	5,85	4,50	3,46	5,50	12,04	35,09
2	Sở Nội vụ	8,73	5,00	4,85	4,71	3,71	6,50	13,18	34,92
3	Ban Dân tộc	7,90	5,00	5,00	4,17	3,15	4,00	12,47	34,05
4	Sở Tư pháp	9,29	5,00	5,99	3,25	4,30	5,00	13,52	33,02
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,80	5,00	5,30	5,16	4,00	4,50	13,40	34,38
6	Sở Giao thông vận tải	9,90	5,00	6,00	3,56	3,37	6,00	13,48	32,05
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp	10,78	5,00	5,49	2,50	3,25	2,00	10,50	32,96
8	Văn phòng UBND tỉnh	8,36	2,50	5,50	1,25	3,17	3,50	7,50	32,50
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10,53	5,00	6,00	1,50	2,85	5,50	14,16	33,09
10	Thanh tra tỉnh	8,49	2,50	4,35	3,00	2,50	3,00	10,61	34,52
11	Sở Tài chính	5,56	5,00	5,50	4,38	2,96	4,00	13,06	32,47
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	9,05	5,00	4,85	4,50	3,46	2,50	11,61	35,01
13	Sở Công Thương	8,42	5,00	5,50	3,40	3,56	3,50	12,21	33,88
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9,96	5,00	6,00	2,00	3,13	2,00	13,42	33,93
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	9,20	4,00	5,50	3,69	2,42	4,00	12,83	32,63
16	Sở Thông tin và Truyền thông	8,25	4,25	5,50	1,75	3,14	4,00	12,68	33,79
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	8,35	5,00	5,20	2,75	3,25	2,00	11,30	34,06
18	Sở Khoa học và Công nghệ	8,38	5,00	5,00	3,00	2,33	2,00	11,03	33,61
19	Sở Y tế	6,30	3,75	3,65	-	3,00	2,50	10,87	33,14
<b>II</b>	<b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH</b>								
1	Ban Quản lý Dự án 1	17,14			4,00	7,82	6,50	3,30	33,38
2	Trường Cao đẳng	16,83			3,67		8,00	3,25	33,77

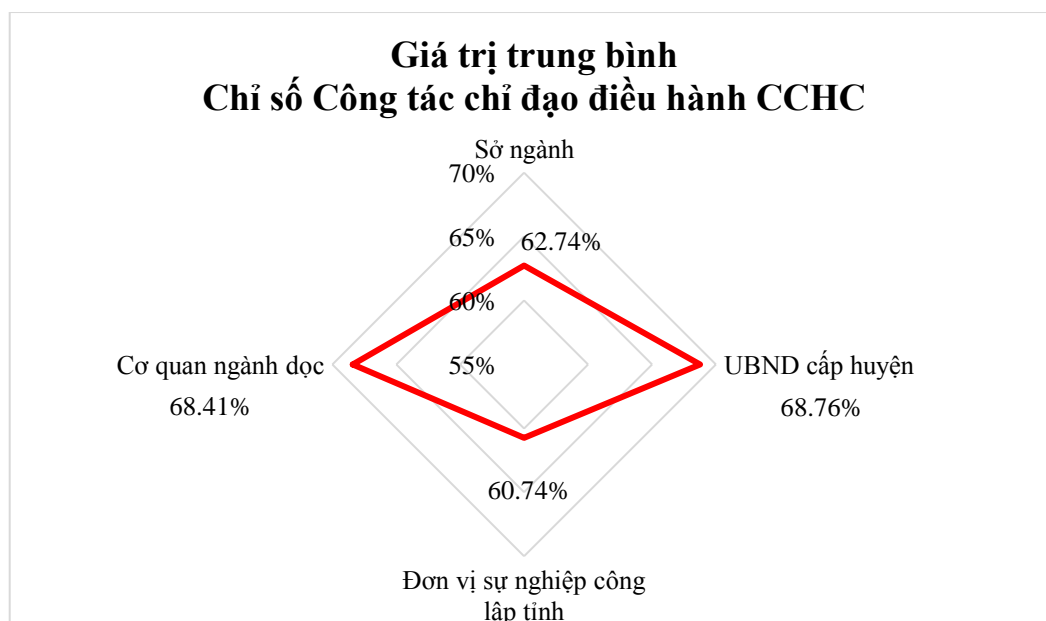
STT	Đơn vị	I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC							II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC
		1. Công tác CDDH CCHC	2. Cải cách thể chế	3. Cải cách TTHC	4. Cải cách TCBM	5. Cải cách chế độ công vụ	6. Cải cách tài chính công	7. XD và PT CP điện tử	
	Nghề Sóc Trăng					8,13			
3	Ban Quản lý Dự án 2	16,32			2,00	6,33	6,50	3,94	35,56
4	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	14,10			2,00	5,00	2,00	0,66	30,71
<b>III</b>	<b>CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẠT TẠI TỈNH</b>								
1	Công an tỉnh	35,76		9,00			4,00	5,00	37,56
2	Bảo hiểm xã hội	26,68		8,47			6,00	6,00	41,02
3	Kho bạc Nhà nước	20,42		9,00			8,00	7,00	43,12
4	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	20,03		8,50			4,00	7,00	41,55
5	Chi cục Hải quan	12,50		5,00			0,50	7,00	38,97
6	Cục Thuế	26,81		8,50			5,50	6,00	38,65
<b>IV</b>	<b>UBND CẤP HUYỆN</b>								
1	Thị xã Ngã Năm	12,65	4,50	6,00	4,54	3,82	3,50	11,24	34,95
2	Thị xã Vĩnh Châu	11,66	4,50	6,00	4,83	3,00	3,50	10,71	33,19
3	Huyện Châu Thành	11,36	4,50	6,50	4,75	3,50	3,50	9,19	33,41
4	Huyện Cù Lao Dung	10,96	4,50	6,00	5,32	4,71	3,50	9,10	32,64
5	Huyện Trần Đề	9,61	4,50	5,75	4,71	2,81	2,00	10,40	35,56
6	Huyện Mỹ Xuyên	12,44	4,50	6,00	4,02	4,50	1,50	9,22	31,46
7	Huyện Thạnh Trị	10,35	4,50	6,00	5,11	3,87	3,50	9,13	30,73
8	Thành phố Sóc Trăng	10,37	4,50	6,50	3,25	3,38	3,50	8,63	32,93
9	Huyện Kế Sách	8,87	4,50	6,00	4,07	2,75	2,50	8,54	33,59
10	Huyện Long Phú	8,62	1,84	6,50	2,61	2,59	3,50	10,13	33,07
11	Huyện Mỹ Tú	10,36	4,50	5,99	4,52	3,28	1,00	8,60	32,05

Từ kết quả thống kê chi tiết nêu trên và qua đối chiếu, so sánh với điểm tối đa quy định, trong năm 2021, Chi số thành phần của các đơn vị đạt kết quả khá cao:



### 2.1. Chỉ số thành phần về Công tác chỉ đạo điều hành (CĐDH) CCHC

Giá trị trung bình của lĩnh vực này đạt 65,04%, giữa vị trí thứ 7/8 và chỉ cao hơn tỷ lệ của lĩnh vực cải cách chế độ công vụ. Trong lĩnh vực này, UBND cấp huyện chiếm ưu thế hơn về giá trị trung bình của Chỉ số (chiếm 68,76%) so với cơ quan ngành dọc (68,41%), sở ngành (62,74%) và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh (60,74%).



Hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều quan tâm, ban hành đầy đủ các văn bản có liên quan đến công tác chỉ đạo điều hành CCHC, tổ chức triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC tại cơ quan, đơn vị theo đúng tiến độ và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số đơn vị không thể triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch như: mở các lớp tập huấn, công tác kiểm tra, đo lường sự hài lòng, học tập kinh nghiệm CCHC, do vậy, đa số các đơn vị đều có tỷ lệ hoàn

thành kế hoạch đạt dưới 100%. Vẫn còn tình trạng báo cáo định kỳ trễ hạn, chưa cung cấp đầy đủ nội dung theo đề cương hướng dẫn.

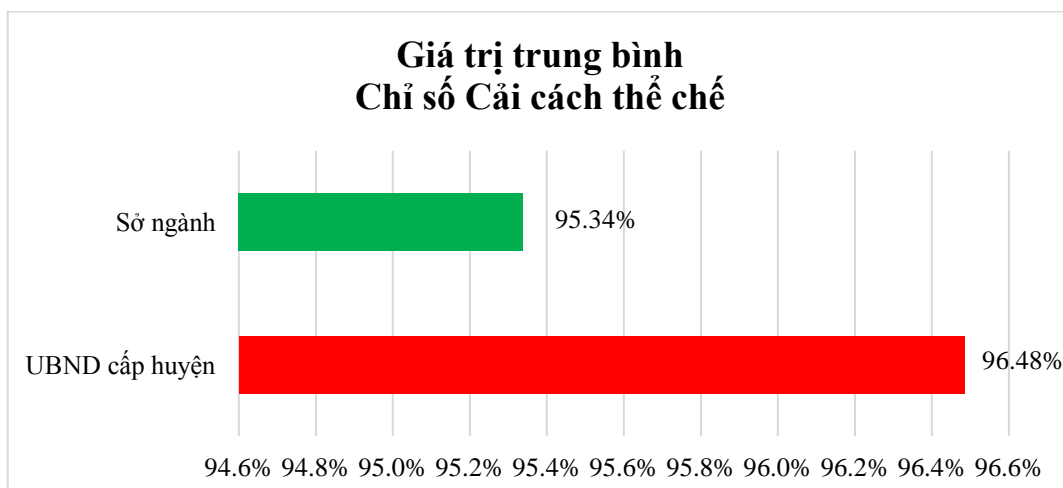
Công tác tuyên truyền CCHC của các đơn vị được đánh giá thông qua việc thực hiện đăng tin, bài trên Chuyên trang CCHC, Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, các hình thức tuyên truyền khác như: báo, đài, mạng xã hội,... và kết quả tham gia Hội thi trực tuyến CCHC tỉnh. Trong năm 2021, nhiều đơn vị thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thay đổi hình thức phù hợp để thích ứng với tình hình dịch bệnh, tích cực tham gia Hội thi do tỉnh phát động. Tuy nhiên, hình thức và nội dung tuyên truyền của các đơn vị chưa đa dạng, phong phú, chưa thường xuyên cập nhật tin, bài trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị, cũng như phối hợp đăng tin bài trên Chuyên trang CCHC của tỉnh.

Theo kết quả thống kê, công tác CCHC của các đơn vị đều do người đứng đầu phụ trách. Hầu hết các đơn vị đã phát động phong trào thi đua và kịp thời tặng giấy khen cho công chức, viên chức thực hiện tốt công tác CCHC tại đơn vị trong năm.

Một số đơn vị đã thực hiện tốt việc duy trì, nhân rộng sáng kiến đã được công nhận vào các năm trước (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm, huyện Châu Thành, huyện Kế Sách, Trường Cao đẳng Nghề, Ban Quản lý dự án 2 và Công an tỉnh). Đối với sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC, năm 2021, Tổ thẩm định đã ghi nhận một số sáng kiến nổi bật như: thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC lưu động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sử dụng kênh zalo để tiếp nhận, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến tại UBND huyện Cù Lao Dung, UBND thị xã Ngã Năm, thực hiện mô hình tờ khai điện tử tại huyện Mỹ Xuyên,...

## 2.2. Chỉ số thành phần Cải cách thể chế

Đây là lĩnh vực có kết quả dẫn đầu trong các lĩnh vực CCHC. Giá trị trung bình của lĩnh vực này là 95,76%. Tỷ lệ này được tính từ kết quả trung bình của 02 nhóm đơn vị sở ngành và UBND cấp huyện với tỷ lệ rất tốt 95,34% và 96,48%.

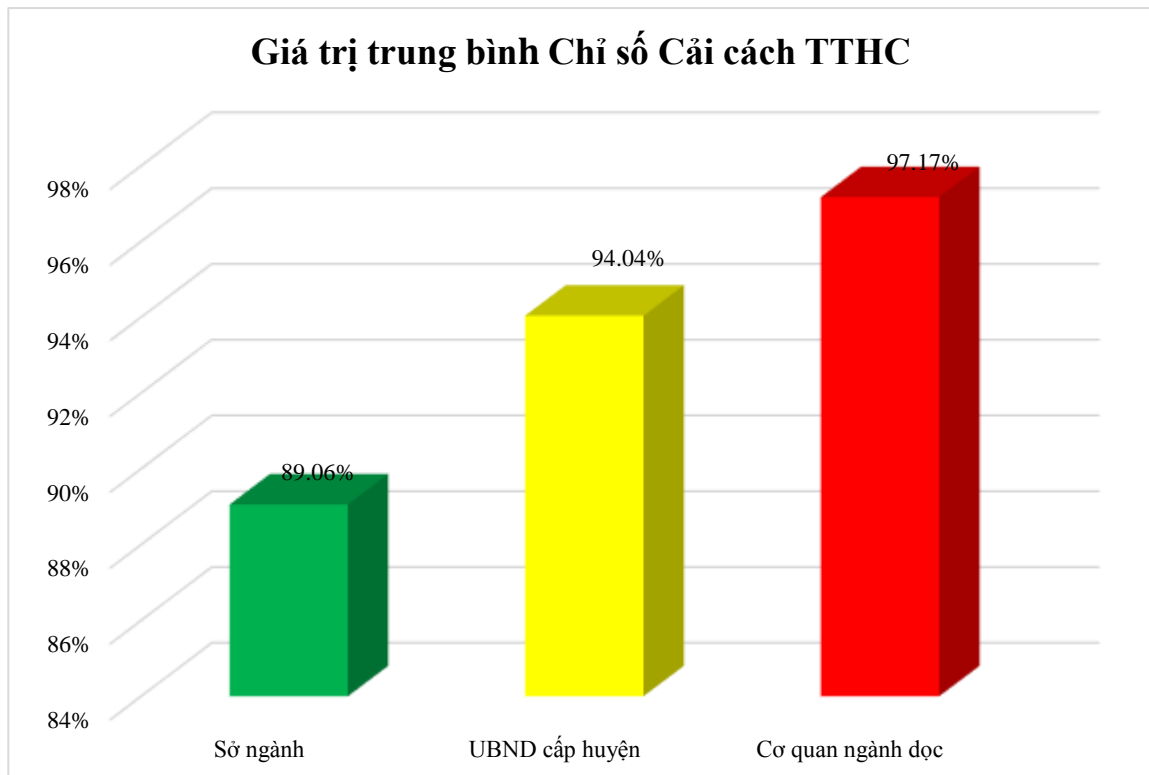


Trong năm 2021, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), các chính sách quy định các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách. Trước khi ban hành, các VBQPPL đều được lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, các đối tượng trực tiếp chịu sự tác động; có ý kiến thẩm định của cơ quan Tư pháp nên các VBQPPL được ban hành đều phù hợp với quy định của pháp luật, có chất lượng và tính khả thi cao. Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chưa tham mưu xây dựng VBQPPL đúng tiến độ, chưa kịp thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo văn bản trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến cá nhân, tổ chức trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021 được các cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ, đạt hiệu quả.

### 2.3. Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Giá trị trung bình của lĩnh vực này là 91,94%, xếp thứ 2/8 trong các lĩnh vực CCHC. Chỉ số này được xem xét trên kết quả của 03 nhóm đơn vị là các sở ngành, UBND cấp huyện và cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh. Nhóm đơn vị có kết quả tốt nhất trong lĩnh vực này là cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh với 97,17%, tiếp đến là UBND cấp huyện với 94,04% và cuối cùng là sở ngành đạt 89,06%.



Năm 2021, các cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm soát TTHC đầy đủ, đúng thời gian quy định. Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC được chuẩn hóa của các Bộ, ngành trung ương, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND tỉnh đã ban hành 113 Quyết định công bố đối với 1.076 TTHC, trong đó: công bố mới 536 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 18 thủ tục; bãi bỏ, thay thế 522 thủ tục; thực hiện cập nhật và “chuẩn hóa” dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2021 được thực hiện đối với 10 TTHC thuộc 07 nhóm quy định TTHC<sup>1</sup>; kết quả qua rà soát, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng phương án đơn giản hóa trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 07 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC của các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Xây dựng và đề nghị các Bộ, ngành có liên quan xem xét, xử lý kết quả rà soát.

Công tác niêm yết, công khai TTHC được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đều bố trí bảng niêm yết, công khai TTHC; đồng thời đăng tải TTHC trên Trang Thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương. Việc niêm yết thông tin địa chỉ tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính theo đúng mẫu quy định tại Bảng niêm yết TTHC.

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa (trừ một số TTHC thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP). Trong tỉnh có 93 TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp, trong đó có 56 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, 37 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền trong các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, lý lịch tư pháp, tài nguyên và môi trường, đăng ký đầu tư, đất đai... và liên thông tại 109 xã, phường, thị trấn đối với 03 nhóm TTHC: “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi”, “Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”.

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tăng cường thực hiện công tác cải cách TTHC tại đơn vị, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, cải tạo trụ sở Bộ phận một cửa, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và cử công chức tham gia các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

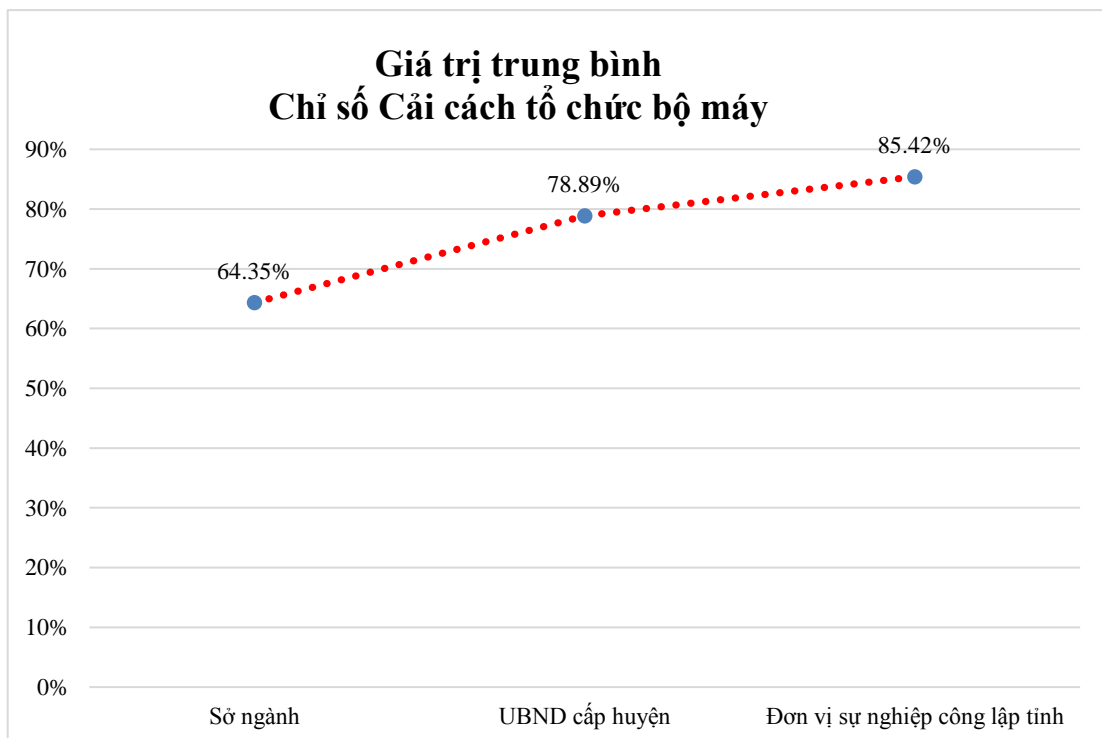
Năm 2021, toàn tỉnh đã tiếp nhận 769.847 hồ sơ (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến). Kết quả các cơ quan, đơn vị đã giải quyết 767.862 hồ sơ; trong đó, giải quyết

<sup>1</sup> TTHC thuộc các lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Đường bộ, Trọng tài thương mại, Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, Du lịch, Thú y và Quản lý hoạt động xây dựng.

trước hạn và đúng hạn: 766.942 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,88%; quá hạn: 920 hồ sơ (có 865 hồ sơ quá hạn do chậm xử lý trên phần mềm một cửa điện tử nhưng thực tế trả đúng hạn). Các cơ quan, đơn vị có hồ sơ trễ hạn bao gồm: Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp, Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện: Trần Đề, Mỹ Tú, Kế Sách, Châu Thành, thị xã Vĩnh Châu và thành phố Sóc Trăng. Đối với các hồ sơ trễ hạn, theo quy định, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc xin lỗi người dân bằng văn bản; tuy nhiên, qua đánh giá của người dân, doanh nghiệp (kết quả khảo sát chỉ số Sipas), một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ việc xin lỗi khi phát sinh hồ sơ trễ hạn (Châu Thành, Mỹ Tú).

#### 2.4. Chỉ số thành phần Cải cách tổ chức bộ máy

Chỉ số thành phần Cải cách tổ chức bộ máy được đánh giá đối với 03 nhóm: sở ngành, UBND cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh. Giá trị trung bình của lĩnh vực này là 71,53%, xếp thứ 6/8 trong bảng xếp hạng các lĩnh vực CCHC. Đối với lĩnh vực này, các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh có ưu thế hơn về kết quả đạt được so với các nhóm đơn vị còn lại với tỷ lệ là 85,42%, tiếp theo là UBND cấp huyện với giá trị trung bình là 78,89%, nhóm sở ngành có tỷ lệ thấp nhất 64,35%.



Năm 2021, thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, các sở ngành thực hiện tốt việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, tổ chức lại và quy định số lượng cấp phó tại đơn vị thuộc, trực thuộc. Một số đơn vị còn tham mưu chậm tiến độ so với quy định là Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung

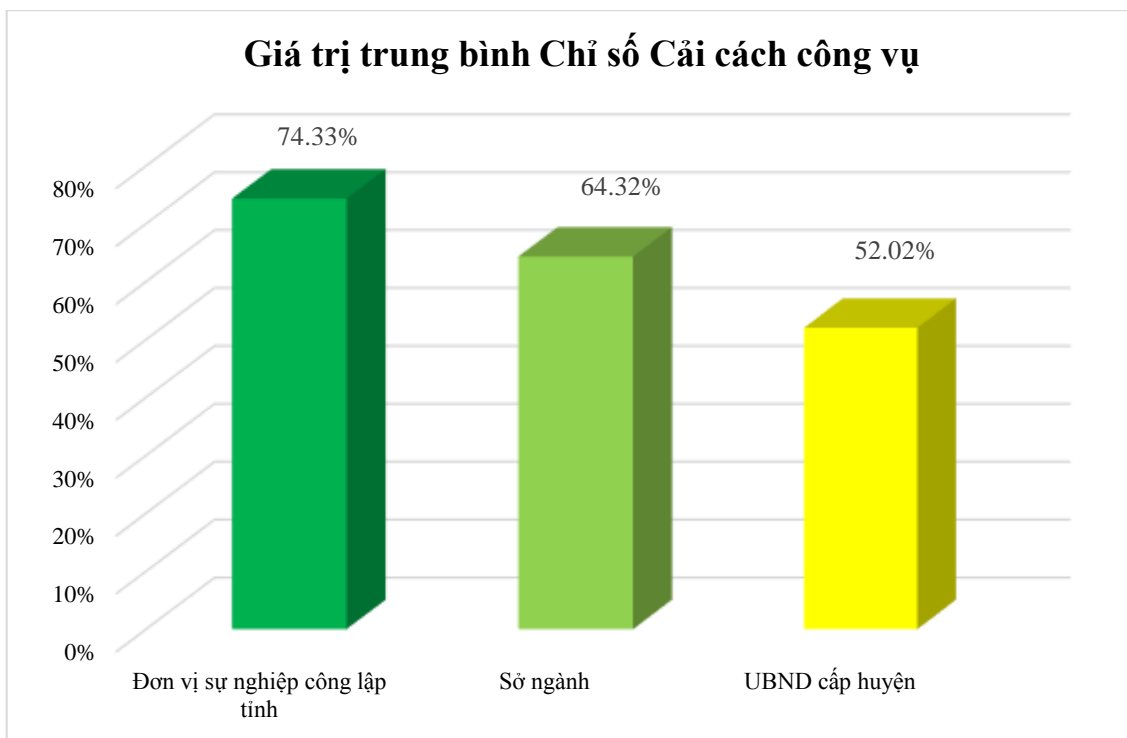


hoặc thay thế Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, quy định số lượng cấp phó của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; UBND thành phố Sóc Trăng đã thực hiện sáp nhập Phòng Dân tộc và tổ chức lại Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND thành phố, UBND huyện Cù Lao Dung đã tổ chức lại Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND huyện. Riêng UBND huyện Long Phú vẫn chưa triển khai thực hiện nội dung này theo đúng quy định.

Sau khi UBND ra Quyết định giao biên chế, số người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị đều đã ban hành Quyết định giao biên chế tại cơ quan mình. Số người có mặt đảm bảo không vượt quá số biên chế được giao.

### 2.5. Chỉ số thành phần Cải cách chế độ công vụ

Cùng với Chỉ số Cải cách tổ chức bộ máy, Chỉ số Cải cách chế độ công vụ cũng được tính dựa trên kết quả của 03 nhóm: sở ngành, UBND cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh. Giá trị trung bình của lĩnh vực này là 61,52%, đây là lĩnh vực có tỷ lệ thấp nhất trong các lĩnh vực CCHC. Đạt tỷ lệ cao nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh với 74,33%; với 64,32% nhóm sở ngành xếp thứ 2, còn lại là UBND cấp huyện với 52,02%.



Năm 2021, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp làm cơ sở thực hiện tốt công tác cải cách, tinh gọn bộ máy và giảm biên chế. Theo kết quả thống kê, có 16/34 đơn vị thực hiện rà soát, hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm đúng thời gian quy định (trước ngày 30/9/2021 theo Công văn số 1304/SNV-CCVC ngày 05/7/2021 của Sở Nội vụ), trong đó có 02 đơn vị đã có quyết định phê duyệt Đề án là Ban Quản lý dự án 1 và Ban Quản lý dự án 2, dự

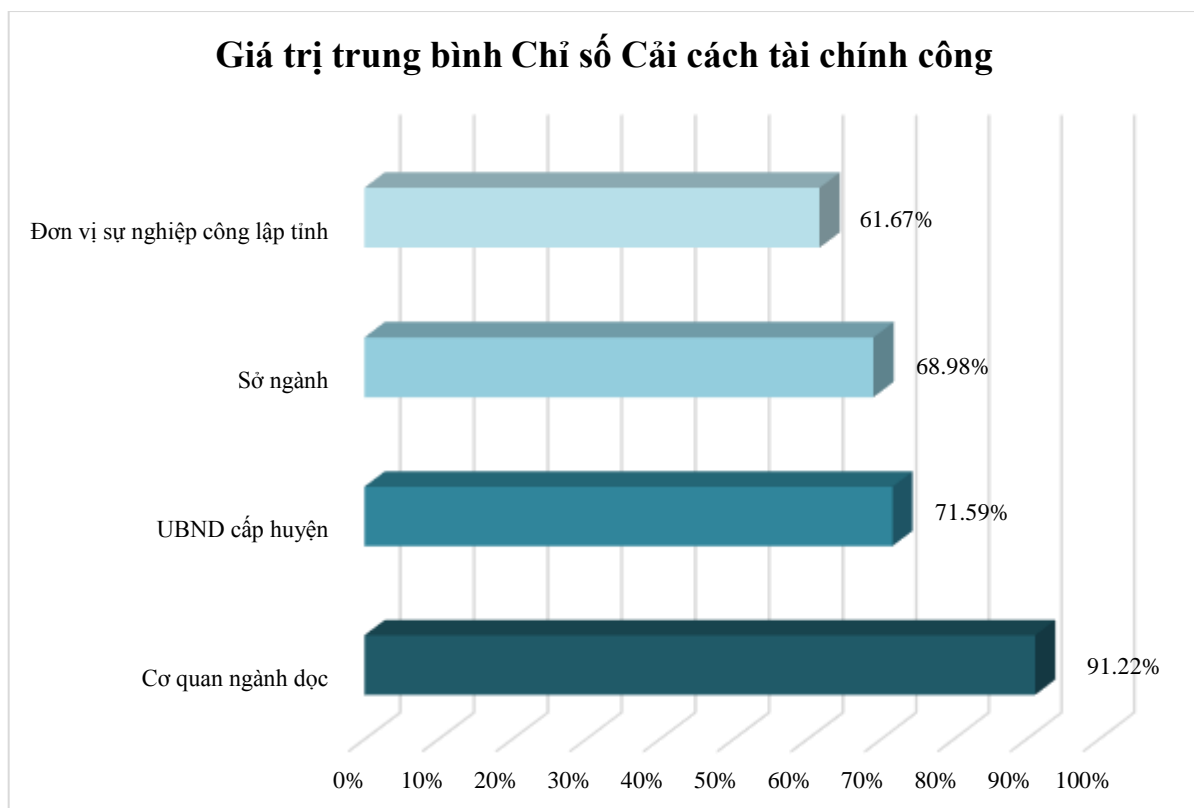
thảo đề án của các đơn vị còn lại đều chưa đảm bảo yêu cầu về nội dung theo quy định.

Công tác tuyển dụng viên chức và ký hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy trình quy định. Các đơn vị đã tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trong tháng 12 năm 2021 và gửi về Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp báo cáo. Ngoài ra, các đơn vị quan tâm cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đề ra.

Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; tuy nhiên, trong năm vẫn còn một số trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và bị xử lý kỷ luật tại các cơ quan, đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện: Trần Đề, Châu Thành, Kế Sách, Mỹ Tú, Thạnh Trị, thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm.

## 2.6. Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công

Giá trị trung bình của lĩnh vực này xếp vị trí 5/8 trong các lĩnh vực CCHC, với tỷ lệ là 72,30%. Các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh có tỷ lệ trung bình cao nhất trong 4 nhóm, đạt 91,22%, xếp thứ 2 là UBND cấp huyện với 71,69%, sở ngành có tỷ lệ trung bình là 68,98%, cuối cùng là đơn vị sự nghiệp công lập với tỷ lệ 61,67%.



UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày

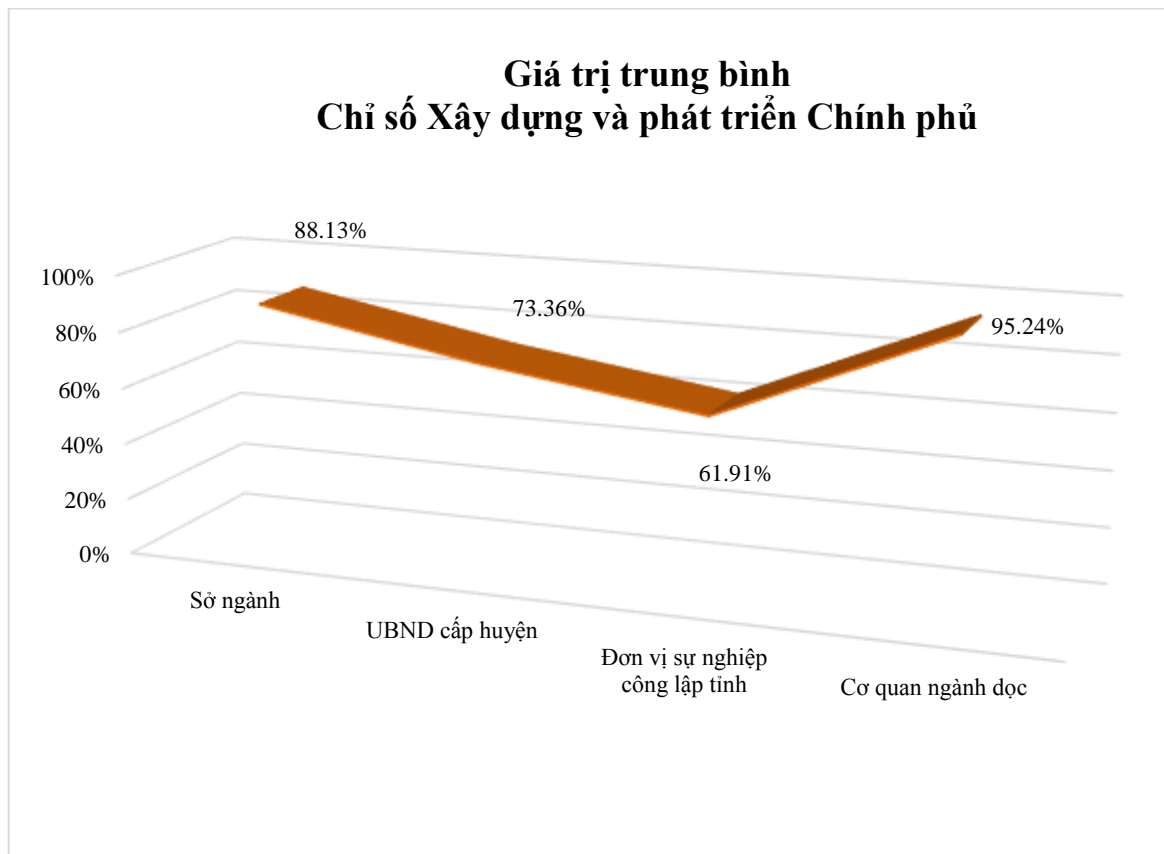
07/10/2005 của Chính phủ; hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Hầu hết các đơn vị đều thực hiện tốt việc tiết kiệm chi thường xuyên và có chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

## 2.7. Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Chỉ số Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử được đánh giá dựa trên kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Giá trị trung bình của lĩnh vực này là 82,51%, xếp thứ 4/8 lĩnh vực CCHC. Đối với chỉ số thành phần này, nhóm các cơ quan Trung ương đạt tại tỉnh đạt được tỷ lệ trung bình cao nhất 95,24%, sở ngành có tỷ lệ là 88,13%, tiếp theo là nhóm UBND cấp huyện với 73,36%, nhóm có tỷ lệ thấp nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh 61,91%, khoảng cách chênh lệch với nhóm cao nhất là nhóm thấp nhất là 33,33%.



Tất cả các sở ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã triển khai áp dụng hệ thống Một cửa điện tử và đồng bộ, liên thông lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tuy nhiên, một số đơn vị vẫn chưa thường xuyên xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện: Thạnh Trị, Mỹ Tú, Trờng Cao đẳng Nghề).

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 1.286 TTHC, trong đó có 279 TTHC được cung cấp ở mức

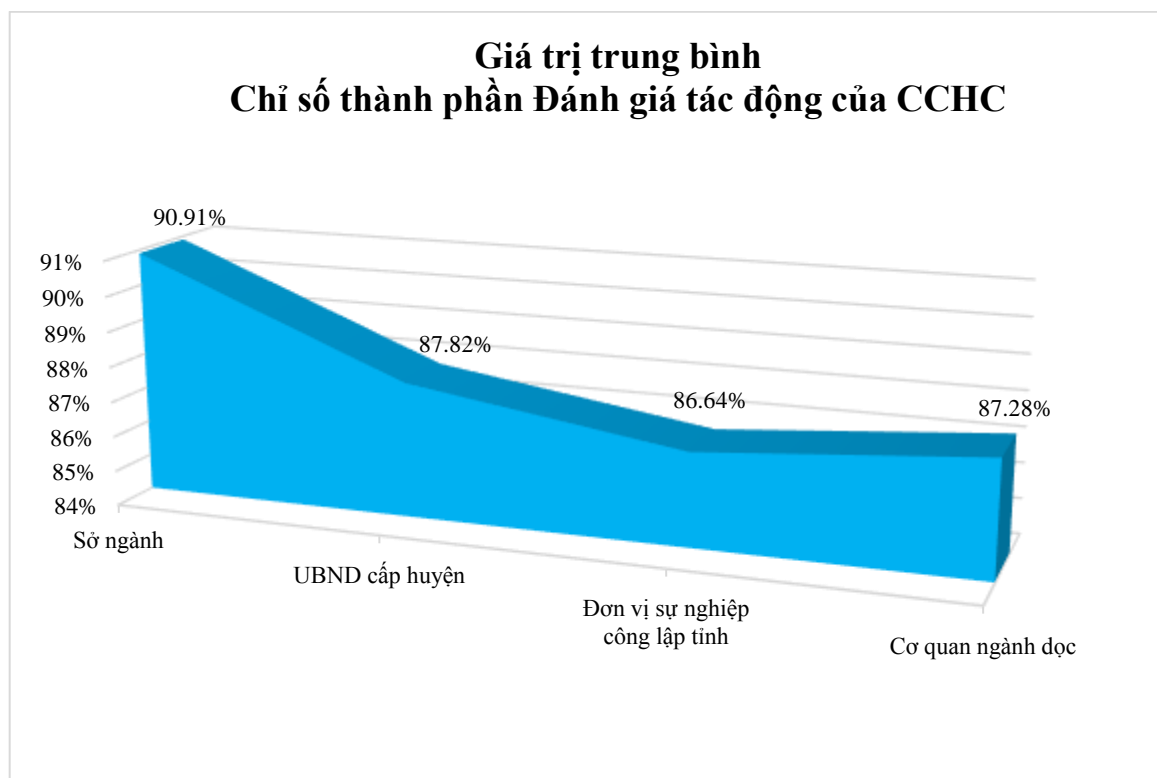
độ 3 và 1.007 TTHC mức độ 4. TTHC được cập nhật, công khai trên Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Đa số các đơn vị đều có cập nhật tin, bài trên Cổng Thông tin điện tử của mình; tuy nhiên, việc cập nhật đôi lúc chưa thường xuyên, liên tục (Thanh tra tỉnh, Sở Y tế), 02 đơn vị không có Cổng Thông tin điện tử riêng là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh và Chi cục Hải quan.

Việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng được các đơn vị thực hiện tương đối tốt theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đa số các đơn vị đều chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình đánh giá nội bộ và tổ chức đánh giá nội bộ theo kế hoạch/chương trình đề ra. Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng theo từng bước cụ thể cho cán bộ, công chức, viên chức trong quy trình giải quyết công việc. Tuy nhiên, tại một số đơn vị, việc xây dựng Mục tiêu chất lượng còn mang tính hình thức, chưa bám sát kế hoạch thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

## 2.8. Chỉ số thành phần Đánh giá tác động của công tác CCHC

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này xếp thứ 3/8 lĩnh vực CCHC, với tỷ lệ là 89,09%. Đây là kết quả tổng hợp của việc cải thiện về Chỉ số CCHC của đơn vị trong 02 năm gần nhất, kết quả chỉ số Sipas và kết quả khảo sát cán bộ, công chức, viên chức đối với chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Riêng đối với UBND cấp huyện có đánh giá thêm kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội.

Theo kết quả thống kê, nhóm sở ngành đạt tỷ lệ trung bình cao nhất với 90,91%, tiếp theo là UBND cấp huyện với tỷ lệ trung bình là 87,82%, các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh xếp thứ 3 trong Chỉ số với kết quả 87,28%, cuối cùng là các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh với tỷ lệ 86,64%.



Kết quả khảo sát có đến 94,9% ý kiến cho rằng lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đều có sự quan tâm đối với công tác CCHC, đồng thời, có 90,18% ý kiến đánh giá công chức phụ trách CCHC cũng có sự am hiểu đối với lĩnh vực được phân công tham mưu, phụ trách. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đều thực hiện tốt quy chế làm việc, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý một cách hợp lý và có sự tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề. Đối với việc phân công, bố trí nhiệm vụ công tác, 96,25% công chức cho rằng họ nhận được công việc phù hợp và được các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách như: khen thưởng, nâng lương trước thời hạn,...

#### **IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Nhận xét, đánh giá**

Chỉ số CCHC đã phản ánh đầy đủ kết quả triển khai các lĩnh vực CCHC tại các cơ quan, đơn vị. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 là cơ sở để các cơ quan, đơn vị phân tích, xác định những nhiệm vụ, phần việc đã thực hiện tốt, để tiếp tục duy trì, phát huy và những tồn tại, hạn chế cần phải có giải pháp xử lý, khắc phục.

Chỉ số CCHC có sự lồng ghép kết quả Chỉ số Sipas, nhờ vậy mà kết quả chỉ số CCHC có tính toàn diện, khách quan hơn.

Việc tự chấm điểm và khảo sát được thực hiện qua phần mềm đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, người tham gia khảo sát; đồng thời công tác tổng hợp, rà soát, thẩm định được công khai, minh bạch, giúp tiết kiệm thời gian và chính xác hơn.

##### **2. Những khó khăn, tồn tại và hạn chế**

Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác tự chấm điểm Chỉ số CCHC; cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác chấm điểm Chỉ số CCHC chưa nắm rõ nội dung của từng tiêu chí và hướng dẫn chấm điểm, dẫn đến việc cung cấp tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ, chưa phù hợp, chưa giải trình cụ thể đối với yêu cầu của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo đúng hướng dẫn chấm điểm.

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ phận chuyên môn trong nội bộ các đơn vị, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp thông tin số liệu phục vụ công tác tự chấm điểm và thực hiện ĐTXHH.

##### **2. Kiến nghị, đề xuất**

###### **2.1. Đối với các cơ quan, đơn vị tham gia xác định Chỉ số CCHC**

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác CCHC. Đưa kết quả Chỉ số CCHC trở thành một trong các tiêu chí để đánh giá năng lực người đứng đầu; đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và gắn với công tác thi đua - khen thưởng.

Phân tích chi tiết kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 của cơ quan, đơn vị mình, xác định rõ những nội dung đã thực hiện tốt để có giải pháp duy trì và phát huy hiệu quả; đồng thời chỉ đạo bộ phận chuyên môn xử lý, khắc phục các tiêu chí, lĩnh vực có kết quả thấp.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong việc thực hiện tự chấm điểm, ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC để đảm bảo tính chính xác, khách quan và kịp thời công bố kết quả Chỉ số CCHC.

## **2.2. Các cơ quan thực hiện thẩm định Chỉ số CCHC**

Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kết quả tự chấm điểm Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị đúng thời gian quy định.

Tổng hợp, theo dõi kết quả thực hiện các lĩnh vực được phân công phụ trách tại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thẩm định Chỉ số CCHC.

**2.3.** Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh tiếp tục hỗ trợ Sở Nội vụ trong công tác khảo sát, ĐTXHH phục vụ xác định Chỉ số CCHC.

**2.4.** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh tiếp tục thực hiện công tác giám sát quá trình ĐTXHH khảo sát Chỉ số Sipas phục vụ xác định Chỉ số CCHC, đảm bảo kết quả khách quan, trung thực.

Trên đây là nội dung báo cáo phân tích kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

### ***Nơi nhận:***

- TT.HĐND tỉnh; UBND tỉnh (để b/c);
- 40 đơn vị tham gia đánh giá Chỉ số;
- Trang TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Văn Nam**